

Bài báo nghiên cứu

HÌNH ẢNH QUAN ẨM TRONG THƠ CHỮ HÁN NGUYỄN ĐỀ VÀ NGUYỄN DU

Nguyễn Hữu Rạng

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Hữu Rạng – Email: 4401601040@student.hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 03-10-2021; ngày nhận bài sửa: 06-01-2021; ngày duyệt đăng: 20-01-2022

TÓM TẮT

Bài viết trình bày một hướng tiếp cận về thơ chữ Hán Nguyễn Đề và Nguyễn Du, đó là tìm hiểu về hình ảnh quan ảm xuất hiện trong các tác phẩm bên cạnh những hướng đi đã có. Qua việc khảo sát, phân tích những bài thơ chữ Hán viết về quan ảm – hình ảnh đặc trưng và xuất hiện khá phổ biến trên hành trình đi sứ của mỗi nhà thơ – bài viết làm rõ hai ý nghĩa cơ bản về hình ảnh này. Hình ảnh quan ảm trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề và Nguyễn Du vừa tạo cho con người cảm giác sợ hãi, thương tiếc quá khứ, đồng thời cũng gợi lên sự chia cắt, li biệt thông qua sự đối lập giữa hai vùng không gian “quê người” và “quê mình”. Từ hai ý nghĩa này, bài viết làm rõ một đặc điểm nổi bật về hiện thực mà con người trung đại dù muốn hay không đều phải trải qua giữa con đũa chần dừ dội của thế kỉ XVIII – XIX: hiện thực chia li, cách biệt.

Từ khóa: thơ chữ Hán; Nguyễn Đề; Nguyễn Du; quan ảm

1. Đặt vấn đề

Mặc dù không được biết đến một cách phổ biến và rộng rãi trong mọi tầng lớp như *Truyện Kiều* nhưng không thể phủ nhận rằng, thơ chữ Hán Nguyễn Du thực sự là một trong những sáng tác thi ca đạt đến trình độ mẫu mực, cổ điển ở cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật trên thi đàn văn chương dân tộc thế kỉ XVIII – XIX. Tác giả Mai Quốc Liên (1996) trong phần *Lời nói đầu* của công trình *Nguyễn Du toàn tập, tập 1* đã từng nhận định: “Thơ chữ Hán Nguyễn Du là những áng văn chương nghệ thuật nghệ thuật trác tuyệt, ẩn chứa một tiềm năng vô tận về ý nghĩa. Nó mới lạ và độc đáo trong một nghìn năm thơ chữ Hán của ông cha ta đã đành, mà cũng độc đáo so với thơ chữ Hán của Trung Quốc nữa.” (Mai, 1996, p.7). Thế nhưng, nhìn chung cho đến nay, vẫn chưa có một công trình nghiên cứu hay một bài viết nào đề cập cụ thể hoặc chủ trương tìm hiểu, khai thác hình ảnh quan ảm trong thơ chữ Hán của ông. Người ta thường nói nhiều, đào sâu các hình ảnh tóc bạc, ngọn gió, mùa thu, mộ, núi sông... nhưng tuyệt nhiên chưa thấy nhắc đến hình ảnh quan ảm trong thơ chữ Hán của ông. Còn đối với thơ chữ Hán Nguyễn Đề, hầu như các vấn đề trong thơ ông cho đến nay vẫn còn là một ẩn số cần được giải mã nhiều hơn. Thơ chữ

Cite this article as: Nguyen Huu Rang (2022). Image of the pass in Chinese poetry by Nguyen De and Nguyen Du. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 19(1), 73-85.

Hán của ông dường như chỉ mới dừng lại trong phạm vi khảo cứu, sưu tầm, tập hợp các văn bản nhưng số lượng các công trình dạng này nhìn chung cũng không nhiều, chỉ mới thu được hai công trình hoàn chỉnh: (1) *Tuyển tập thơ chữ Hán Nguyễn Đề* (1995) do Nguyễn Thị Phương chủ biên, tìm kiếm và giới thiệu được 143 bài; (2) *Thơ Nguyễn Đề tuyển* (2019) do Lê Quang Trường chủ biên, tìm kiếm và giới thiệu 131 bài. Còn việc nghiên cứu, tiếp cận chuyên sâu các vấn đề đặt ra trong thơ chữ Hán của ông hầu như chưa thực sự nở rộ, có chăng cũng chỉ ở dạng rời rạc, nhỏ lẻ, chủ yếu dùng để liên hệ, đối sánh với những vấn đề của các tác giả trung đại khác cùng thời. Từ thực trạng trên, chúng tôi cho rằng việc tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề đặt ra trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề và Nguyễn Du, cụ thể trong bài viết này là hình ảnh quan ải và hiện thực chia li, cách biệt của con người trung đại, là việc làm cần thiết hiện nay.

Từ góc độ phân tích cấu trúc – hệ thống, bài viết này góp phần làm rõ những đặc điểm biểu hiện và ý nghĩa biểu trưng của hình ảnh quan ải trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề (10 bài) và Nguyễn Du (12 bài) qua đó góp phần làm nổi bật đặc điểm về hiện thực chia li, cách biệt mà con người thời trung đại phải đối mặt giữa “con gió bụi” của thế kỉ XVIII – XIX.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Quan ải – nơi tạo cho con người cảm giác sợ hãi, thương tiếc quá khứ

Một trong những đặc điểm thường thấy khi nhắc đến hình ảnh quan ải trong thơ chữ Hán Nguyễn Du là cảm giác vừa sợ hãi, ghê rợn nhưng mặt khác lại vừa ngậm ngùi, tiếc thương quá khứ của con người trung đại. Sở dĩ, quan ải thường gây cho con người cảm giác sợ hãi, ghê rợn mỗi khi đặt chân đến hoặc thậm chí chỉ bắt chợt nghĩ về bởi trước hết xuất phát từ vị trí địa lí của nó. Hình ảnh những quan ải trong thơ chữ Hán Nguyễn Du xuất hiện dưới tầm mắt người đọc là một nơi xa xôi, hẻo lánh, được bao bọc xung quanh bởi những tòa kiến trúc đồ sộ của núi giữa lòng thiên nhiên vô tận:

Nhất quan hùng trấn vạn sơn tâm

Địa thiên mỗi vị truyền văn ngộ.

(Một cửa ải hùng vĩ đứng trấn giữa lòng muôn ngọn núi

Ở nơi hẻo lánh thường vì nghe lời đồn đại mà hiểu lầm)

(*Trần Nam Quan*)

Con người khi đứng trước quan ải, trước cái hùng vĩ, bạt ngàn của núi sông, đối diện với đất trời lồng gió nơi biên cương xa xôi chẳng khác gì một sinh linh nhỏ bé trước Thượng Đế. Quan ải hiện lên như một gã khổng lồ, đứng sừng sững giữa đất trời, đêm ngày canh giữ biên thù cho đất nước. Có thể nói, trấn Nam Quan xét về mặt địa lí là một trong những cửa ải quan trọng đồng thời cũng là một trong số các cửa ải lớn, hiểm trở bậc nhất thuộc địa phận trấn Lạng Sơn ở nước ta thời trước. Đường lên quan ải khó khăn trùng điệp như muốn thử thách lòng kiên định nơi núi rừng của con người:

Quần phong dũng lẫm thạch minh đào

Giao hữu u cung quyên hữu sào

Tuyền thủy hợp lưu giang thủy khoát

Tử sơn bất tập mẫu sơn cao.

(Thế núi trập trùng, gió thổi vào đá nghe như sóng vỗ
Thuồng luồng có hang kín, đỗ quyên có tổ
Nước các suối hợp thành dòng sông rộng
Núi con không cao bằng núi mẹ)

(Lạng thành đạo trung)

Nguyễn Du cũng phải can trường lắm, vững tâm lắm mới dám dừng lại quan sát con ải với đủ các chiều kích cao – sâu – rộng của nó trong không gian. Chưa cần phải kể đến những cảm xúc li biệt mà nó gây ra cho con người, chỉ cần ngóng mắt quan sát thiên nhiên xung quanh thôi cũng đủ khiến những ai qua đây phải giật mình, thảng thốt. Những “tiểu thiên địa” dường như bị lọt thỏm hoàn toàn trong lòng thiên địa bao la, hùng vĩ nơi quan ải: *Quần phong dũng lẫm thạch minh đào.*

Mặt khác, trấn Nam Quan còn được biết đến là ranh giới trên đất liền phân định lãnh thổ vùng biên cương giữa hai đất nước Đại Việt với người anh em láng giềng Trung Quốc. Qua khỏi ải Nam Quan trở vào phía Nam là địa hạt của Đại Việt, ngược lại bước chân lên phía Bắc là sang đến địa hạt xứ Trung Hoa. Các sứ thần nước ta ngày trước khi vâng mệnh thiên tử đi sứ tuế cống, cầu phong, báo tang... sang nước láng giềng đều phải một lần đặt chân đến trước con ải này: *Nam Bắc quan đầu tựu thủ phân* (Nam Bắc chia ranh giới ở chỗ này) (*Quý môn quan*).

Trong quá khứ, ải Nam Quan từng gây cho con người không ít lần khiếp sợ bởi những hình thù ghê rợn của cảnh vật thiên nhiên xung quanh. Tương truyền, các ngọn núi nơi này thường có hình dáng kì lạ, đặc biệt chúng hiện lên trước mắt người đi đường chẳng khác những đầu quỷ nằm chẵn giữa một vùng biên ải rộng lớn chính vì vậy mà nơi đây có tên gọi là “quỷ môn quan”. Đường xá dẫn đến đây luôn được bao phủ bởi cây cối um tùm, khúc khuỷu, gai góc mọc khắp nơi. Nhưng nguy hiểm hơn cả vẫn là sự ẩn nấp của những loài thú dữ (rắn, rết, hổ, báo...) bên dưới những tán rừng bạt ngàn, sẵn sàng nghênh chiến, tấn công con người bất cứ lúc nào khi đặt chân qua đây. Trong mắt Nguyễn Du, hình ảnh quỷ môn quan luôn khiến thi nhân chùng chát những nỗi kinh sợ mỗi khi đặt bút miêu tả về nó:

Tắc đồ từng mãng tàng xà hổ

Bồ dã yên lam tụ quỷ thần.

(Bụi gai lấp đường, rắn hổ ẩn nấp

Khí độc đầy đồng, quỷ thần họp nhóm)

(Quý môn quan)

Giao hữu u cung quyền hữu sào

(Thuồng luồng có hang kín, đỗ quyên có tổ)

(Lạng thành đạo trung)

Những quan ải mặc dù nắm giữ vai trò quan trọng, then chốt trong việc xác lập, đánh dấu phạm vi chủ quyền của mỗi quốc gia và hiểu một cách nôm na, nó cũng giống như chiếc cổng rào của mỗi ngôi nhà, ngăn định, tách biệt hai phần không gian bên trong

(thuộc về sở hữu cá nhân – sân, nhà, vườn...) với bên ngoài. Thế nhưng, trong suốt cuộc hành trình “mang gương đi mở cõi”⁽¹⁾, nó chưa một lần thôi gây cho con người những nỗi khiếp đảm. Đặc biệt hơn cả, nơi đây còn là chiến trường vùi thây không biết bao nhiêu xác người ra trận. Biết bao kẻ chinh phu vì lệnh vua mà phải mang thân lên đường chinh chiến, bỏ lại mẹ già, vợ quá con cô “gái tơ mấy chốc xảy ra nạ giồng” nhưng oan nghiệt hơn là ngày đi thì có chữ còn ngày về thì dường như bật vô âm tín. Từ đây có thể thấy, con người trung đại luôn phải đối diện với một hiện thực mất mát, li biệt khi nhắc đến chốn quan ải:

Quý môn quan! Quý môn quan!
Thập nhân khứ, nhất nhân hoàn.
 (Ái Quý môn! Ái Quý môn!
 Mười người đi, một người về)

(*Quý môn quan*)

Thân xác con người mãi nằm lại nơi địa đầu đất nước: “Chung cổ hàn phong xuy bạch cốt” (Từ xưa gió lạnh thổi xương trắng – *Quý môn quan*) chính vì thế mà mỗi khi có dịp đi ngang qua nơi này, người xưa lại không khỏi trào dâng niềm thương tiếc nhưng cũng không tránh khỏi những phút e dè, khiếp sợ:

Như thử hữu danh sinh tử địa
Khả liên vô số khứ lai nhân!
 (Chôn này có tiếng nguy hiểm như thế
 Thương thay biết bao người vẫn phải đi về!)

(*Quý môn quan*)

Nguyễn Du thương xót cho kiếp người vì biến cuộc loạn lạc mà phải phiêu bạt đi về giữa cõi biên thùy lạnh lẽo nhưng cũng chính là tự thương cho phận mình bởi ngay lúc này đây, thi nhân cũng là một trong số hàng trăm con người đang cô độc một mình đi qua chốn này. Dẫu biết là hiểm nguy, dẫu biết chỉ cần vài bước nữa thôi là người đã mang phận khách tha hương nhưng thử hỏi Nguyễn Du còn có lựa chọn nào khác hơn được hay sao? Ngay chính bản thân Nguyễn Du viết về nó nhưng cũng không sao thoát khỏi được cái vòng lẩn quẩn của hiện thực chia li, cách biệt đi kèm sau đó.

Bên cạnh cảm xúc ghê sợ, khiếp đảm, hình ảnh quan ải trong thơ chữ Hán Nguyễn Du còn khiến con người trào dâng một niềm thương tiếc về quá khứ. Nhiều trận chiến tại đây vì thế giặc áp đảo nên khiến cho quân dân ta thua bại nhưng bù lại cũng khiến cho giặc ngoại xâm bao phen khôn đốn, kinh sợ trước lòng dân nước Nam. Điển hình như trận đại tướng nhà Đông Hán là Mã Viện (馬援) thống lĩnh đại quân hùng mạnh tràn sang ải Nam Quan thuộc trấn Lạng Sơn với dã tâm xâm lược, thôn tính nước ta (lúc bấy giờ gọi là quận Giao Chỉ (交趾) tuy thắng trận nhưng quân lính nhà Hán chết rất nhiều, thế giặc rối ren:

⁽¹⁾ Cụm từ được chúng tôi trích dẫn từ câu thơ trong đoạn thơ đầu ở bài thơ *Nhớ Bắc* của nhà thơ cách mạng Huỳnh Văn Nghệ (1914-1977).

Kì công hà thủ Hán tướng quân!

(Kì công của tướng quân nhà Hán có gì đáng khen!)

(*Quý môn quan*)

Trong mắt nhân dân Đại Việt, quan ải cũng chính là hình ảnh phản chiếu dĩ vãng, đưa con người trong hiện tại tìm về với quá khứ xa xăm. Nó được xem như một chứng nhân bất hủ của lịch sử, là cầu nối giữa hai bờ quá khứ - hiện tại trong tiềm thức con người. Ngắm nhìn quan ải cũng là một cách để con người trở về và sống lại với quá khứ vàng son một thời thịnh trị của dân tộc:

Lý Trần cừu sự diều nan tâm

Tam bách niên lai trực đảo tâm

Lưỡng quốc bình phân cô lũy diện.

(Việc cũ đời Lý, Trần xa xôi khó tìm

Trải qua ba trăm năm cho đến ngày nay

Bức thành lẻ loi này phân chia hai nước)

(*Trần Nam Quan*)

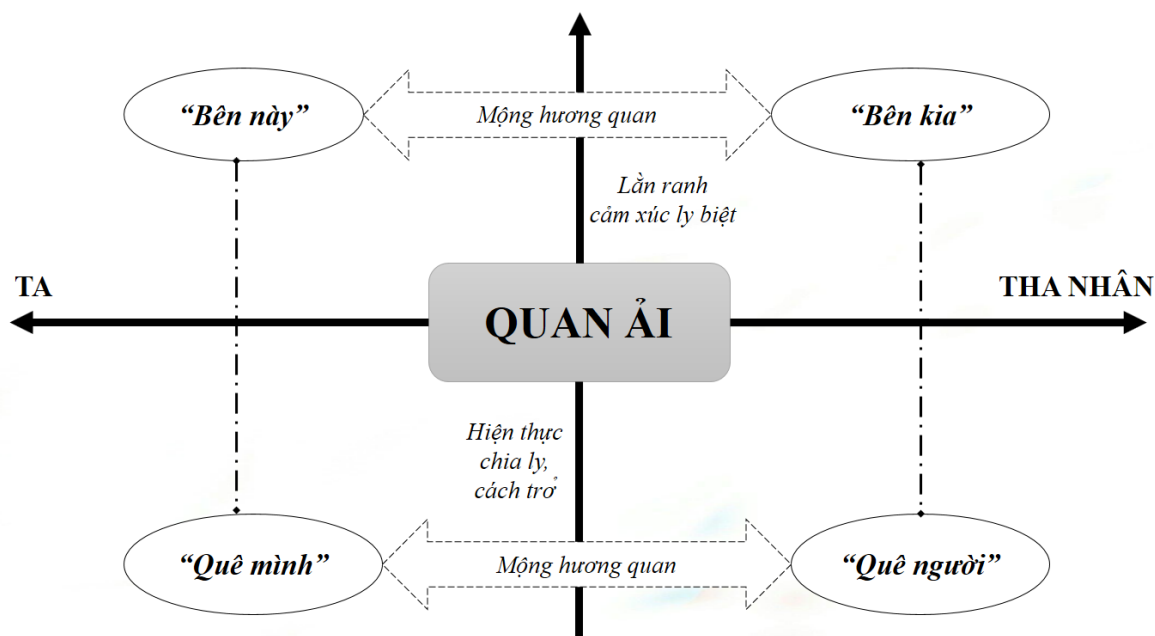
Con người trước khi bước qua khỏi đây để đặt chân lên đất khách và bắt đầu cuộc hành trình phiêu bạt vạn dặm “mang nhiên bất biện hoàn hương lộ”⁽²⁾ dường như có chút xao xuyến, băng khuâng khi ngoảnh nhìn về lịch sử xa xăm. Có gì đó hiện lên khá tương đồng một cách ngẫu nhiên giữa hình ảnh lũy thành trơ trọi “cô lũy diện” với thân lũy khách đơn độc sấp bước đi trên đất người và mang kiếp tha nhân. Hiện thực li biệt đến đây một lần nữa được lặp lại. Nó gần như trở thành một “mẫu số chung” mỗi khi nhắc đến hình ảnh quan ải trong thơ chữ Hán Nguyễn Du.

2.2. Quan ải – nơi gọi cho con người tâm lý chia cắt, li biệt

Hình ảnh quan ải trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề và Nguyễn Du còn là nơi gọi ra trong tâm tưởng con người phần không gian tâm lý bị chia cắt, đứt gãy cùng với đó là khoảng cách mênh mông, xa xôi: “Nhật Nam, thần Bắc lưỡng du du” (Trời Nam, cõi Bắc hai nẻo thật xa vời – *Tàn đông lũy thứ* – Nguyễn Đề). Xét về mặt tự nhiên, quan ải là ranh giới mà con người xây dựng nhằm đánh dấu cột mốc biên cương của đất nước với hai phần không gian đối lập phía *bên kia* là nước người còn *bên này* là nước mình. Chính sự đối lập giữa hai phần không gian “bên kia” - “bên này” tương ứng với không gian “quê người” - “quê mình” đã khiến con người, nhất là đối với các sứ thần – những người thường xuyên phải bước qua quan ải để đi sứ, hình thành nên tâm lý phân định, chia cắt mỗi khi nhắc đến hình ảnh này. Có thể hình dung điều này trên hai trục dọc và ngang trong sơ đồ bên dưới (Hình 1). Con người trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề và Nguyễn Du khi đứng ngay tại quan ải, được xem như điểm tiếp giáp, giao thoa giữa hai chiều, hai mảng không gian đối lập “quê mình” - “quê người” (xét trên trục ngang), cũng đồng nghĩa với việc họ đang đứng trước lần ranh của cảm xúc li biệt và đối diện trực tiếp với hiện thực chia li, cách trở (xét

⁽²⁾ *Mịt mờ không còn nhận ra đường về quê hương (Nhiếp khẩu đạo trung).*

trên trục dọc). Càng tiến qua khỏi “bên kia” quan ải, con người càng đến gần hơn với phận tha nhân:



Hình 1. Sơ đồ minh họa hình ảnh quan ải trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề và Nguyễn Du

Đối với thơ chữ Hán Nguyễn Đề, con người một khi đã mang thân là khách sứ trình, một khi đã bước chân qua khỏi quan ải thì cũng là lúc họ phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, trắc trở. Càng khó khăn hơn khi không phải chỉ một lần mà có đến vô số lần các sứ thần phải bước (vượt) qua quan ải trên suốt cuộc hành trình đi sứ:

Vạn lý quan tân ứng sứ chàng

(Đường đi sứ muôn dặm, qua bao cửa ải, bến đò)

(Ngô Giang thuận phiếm tức cảnh)

Như đã biết, Trung Hoa là một “lục địa” rộng lớn với lãnh thổ trải dài muôn dặm lại là nơi phát tích của những con sông lớn với dòng chảy kéo dài “trường giang” qua nhiều nơi. Chính vì vậy mà sứ thần khi đi sứ trên đất nước này không chỉ bước qua những quan ải trên đất liền mà còn phải vượt qua cả những cửa ải trên sông để đến được với những vùng đất mới. Khó khăn, vất vả càng thêm chông chát. Chuyến hành trình phiêu bạt trên xứ “trường giang” mệnh mông vốn đã trắc trở trên bộ bởi núi cao, vực sâu: “Duyên phan đề tụ hựu cao ngu” (Hết men theo hang sâu lại leo lên hẻm cao hiểm trở – *Vĩnh Phúc tức cảnh*) thì nay lại càng bế tắc, truân chuyên hơn nữa bởi trước mắt lữ khách giờ đây là biết bao quan ải trên sông phải vượt qua. Một điểm đặc biệt góp phần tô đậm hiện thực khó nhọc, gian truân mà con người phải gánh chịu trên đường sứ trình vạn dặm được Quế Hiên⁽³⁾ khắc họa khá tinh ý là việc tác giả hoàn toàn không nhắc đến cụ thể hay thậm chí

⁽³⁾ Tên hiệu của Nguyễn Đề.

chỉ ước chừng số lượng các cửa ải và số lần mà con người đã - sắp phải vượt qua là bao nhiêu. Ông chỉ sử dụng duy nhất một lượng từ phẩm định “chàng” 幢 (chỉ số lượng không xác định) cùng với động từ “ùng” 擁 (bao quanh, quần tụ). Khó khăn dường như càng thêm chồng chất thậm chí nhiều đến mức con người không còn nhớ chính xác hay thậm chí đoán định thử đã mấy lần vượt ải, chỉ biết rằng nhiều không kể xiết “ùng sứ chàng”. Vất vả, gian truân khiến đoạn đường đi sứ kéo dài trong vô tận “vạn lí”. Thử hỏi còn bao nhiêu lần nữa con người phải vượt qua quan ải, phải trèo non băng rừng và hơn hết thời gian còn bao lâu để đến ngày lễ khách có thể cởi trả lại phận lễ khách cho đời?

Thế nhưng, khó khăn, gian truân khi phải vượt qua, chinh phục từng quan ải là vậy nhưng chúng vẫn không thể cản nổi giấc mơ quê nhà (mộng hương quan) của con người dù biết rằng ngày trở về vẫn còn ở rất xa:

Quan tân bất trở gia hương mộng

Phong vũ như liêu lý thứ tình.

(Cửa ải, bên sông chẳng cản được giấc mơ về quê nhà

Mưa gió như khêu thêm tình người xa xứ)

(*Lữ thứ thư hoài*)

Mộng hương quan trong trường hợp này đóng vai trò như một thanh nam châm với lực hút từ trường mãnh liệt, kéo hai mảng không gian đang bị chia cắt trong thực tại là “quê người” (“bên kia”) – “quê mình” (“bên này”) sát lại gần nhau, xóa bỏ gần như hoàn toàn khoảng cách xa xăm, cách biệt mà quan ải gợi lên trong lòng người khách lữ khách (Hình 1). Con người còn nhớ về quê nhà, còn khao khát mong chờ đến ngày trở về, được bước qua quan ải để đặt chân lên quê mình nghĩa là còn ý thức rõ thân phận lữ khách của bản thân. “Gia hương mộng” – giấc mộng về quê nhà có thể xem như một tín hiệu tích cực, trong khuôn khổ nào đó nó góp phần xoa dịu, nguôi ngoai tạm thời hiện thực chia li, cách biệt đồng thời sưởi ấm cõi lòng cô độc, lạnh giá của người lữ khách:

Sự tế thử hồi ưng thoát lí

Cúc tùng hoàn ngã cố viên thân.

(Lần này xong việc thì xin cởi hài từ quan

Ta về cùng khóm cúc cội tùng sống trong vườn xưa)

(*Lữ trung khiển hứng*)

Có thể nói, các sứ thần trên bước đường trường chinh phương Bắc đã mang theo hoặc trải qua không biết bao nhiêu cảm xúc bồi hồi, sầu tủi. Thậm chí ngay từ khi còn ở địa giới nước mình, cảm xúc ấy vẫn không thôi xốn xang con tim họ:

Tinh tiết thân đặng Ngưỡng Đức đài

Quan đầu tiến bộ trọng bồi hồi.

(Sáng sớm đoàn sứ lên đài Ngưỡng Đức

Đầu cửa ải bước đi, lòng thêm bồi hồi)

(*Quá quan hỉ phú*)

Bồi hồi khi đứng trước quan ải với núi non trập trùng, con người dường như thấy rõ hơn cả hiện thực chia lìa, cách biệt mà chỉ trong chốc nữa đây dù muốn dù không bản thân cũng phải bước qua. Ranh giới giữa “ta” và “khách” chưa bao giờ lại gần sát nhau, mong manh đến vậy khi đứng trước quan ải nghìn trùng. Bước qua phía trời kia, “ta” đã thực sự trở thành “khách” viễn phương. Hàng loạt những cảm xúc, tâm trạng khác nhau mà con người nơi quan ải phải đối diện khiến cho cõi lòng trở nên trĩu nặng một mối sầu, bước chân trở nên dè dặt, cố bước tiếp nhưng lại như có bàn tay vô hình níu giữ. Quan ải xưa nay là vậy, người bước ra (lúc đi) đã khó nhưng bước vào (lúc về) lại càng khó hơn bởi đời phiêu bạt chưa thể trả xong.

Đại thi hào Nguyễn Du ngày trước cũng từng rơi vào nghịch cảnh bị “mắc kẹt” ngoài quan ải khi gần nửa đời người mà vẫn phải phiêu bạt sứ trình vạn dặm, đành ngậm ngùi “lỗi hẹn” không biết bao lần với từng, bách (*Sơn thôn, Tạp ngâm...*), “phụ” với chim âu quê nhà (*Thu chí*). Nỗi niềm không thể trở về của ông vì sứ mệnh thiên tử giao phó chưa thành: “Nhân ý thiên nhai trệ nhất quan” (*Ngẫu thư công quán bích II*) đã được thi nhân bộc lộ một cách kín đáo khi tự ví thân mình chẳng khác gì Ban Siêu, một đại tướng nhà Đông Hán ngày trước:

*Bạch phát sinh tăng Ban Định viễn
Ngọc Môn quan ngoại lão thu phong.
(Ban Định Viễn rất ghét mái tóc bạc
Cứ ở ngoài ải Ngọc Môn, già với gió thu)*

(*Sơ thu cảm hứng I*)

Ban Định Viễn – 班定远 (tức Ban Siêu) là một trong những đại tướng dưới thời nhà Đông Hán, em của sử gia Ban Cố – 班固. Ông là người có công thân chinh cầm quân chinh phục năm mươi nước ở phía Tây Vực – 西域 sau được vua Hán phong tước Định Viễn hầu và được giao ở lại đấy làm đô hộ Tây Vực. Hơn ba mươi năm trôi qua, khi mái đầu người hàng tướng năm xưa đã ngã màu đốm bạc “bạch phát”, thời gian không biết bao lần vô tình đến rồi lại đi, lúc này ông mới được trở về. Dường như có gì đó tương đồng giữa người hàng tướng ngoài biên ải với thân phận người đi sứ trên đất khách khi cả hai mái đầu giờ đây đều bạc theo tháng năm. Nhưng người hàng tướng kia ít ra còn được trở về còn phận đi sứ biết đến bao giờ mới lại được hồi hương, được bước lần nữa qua quan ải trở về quê nhà. Giữa cái lạnh the thắt của cơn gió đầu thu, thi nhân lại chợt nhớ đến người xưa nhưng càng nhớ đến người xưa, lòng người trong hiện tại càng quặn đau, héo mòn:

*Tiêu tiêu mộc lạc Sở giang không
Vô hạn thương tâm nhất dạ trung.
(Miền sông Sở, cây rụng lá, trông tiêu điều
Trong một đêm bao xiết nỗi đau lòng)*

Cơn gió thu lạnh lẽo, quái ác dường như cuốn sạch mọi thứ trên đường nó đi qua khiến cảnh vật trước mắt hiện ra càng thêm tiêu điều, xác xơ “tiêu tiêu mộc lạc”. Khí lạnh của nó chảy tràn vào tận tâm can người lữ khách khiến cõi lòng lại nhói buốt lên từng cơn.

Hiện thực chia li, cách biệt của con người trong lúc này càng hiện rõ hơn bao giờ hết. Hình ảnh quan ải trong bài vô tình đã tạo ra một ranh giới chia cắt, phân định rạch ròi giữa hai vùng không gian thân thuộc (quê nhà) - xa lạ (quê người) trong tâm lí con người. Dầu họ cảm nhận rất rõ về điều ấy nếu không thì thử hỏi sao lòng lại phải quặn đau “vô hạn thương tâm” nhưng không thể nào vượt qua được. Quan ải và đi kèm theo sau nó là hiện thực biệt li, xa cách chẳng khác gì chiếc vòng kim cô đang siết chặt từ từ tâm can và số phận đơn độc, trợ trợ của con người khiến họ chìm đắm, chát ngát trong những mối sầu tha hương:

Kì trung tự hữu thanh thương điệu

Bát thị sầu nhân bất hứa tri.

(Trong tiếng ve sầu kêu (trên cành cao) có lẫn điệu thanh thương

Không phải người có nỗi buồn thì không biết được)

(*Sơ thu cảm hứng II*)

Cũng đừng hiểu lầm rằng chỉ chờ cho đến khi “thu phong” tràn về trên đất khách lạnh lẽo, con người mới bắt đầu có cảm nhận da diết về hiện thực biệt li mà ngay từ khi chân người còn bước trên đất mẹ, khi thân chưa xuất hành qua khỏi quan ải, lòng họ đã sẵn có những xúc cảm nội tâm buồn da diết:

Quý môn thạch kín xuất vân côn

Chinh khách nam quy dục đoạn hồn

Thụ thụ đông phong xuy tổng mã

Sơn sơn lạc nguyệt dạ đề viên.

(Đường khe đá ở Qui Môn từ chân mây mà ra

Lữ khách về Nam trông thấy cảnh mà buồn tê tái

Gió đông thổi qua hàng cây vào đàn ngựa đi tiễn

Trăng tà sau dãy núi, ban đêm nghe tiếng vượn hót)

(*Quý môn đạo trung*)

Mặc dù lúc này nhà thơ của chúng ta chưa chính thức nhận sắc phong đi sứ từ triều đình. Bài thơ được sáng tác trong thời kì Nguyễn Du nhậm chức quan ở Bắc Hà (1802-1804). Căn cứ vào nhan đề bài thơ: *Quý môn đạo trung (Trên đường qua Quý môn)*, người đọc cũng đủ nhận ra rằng đây chỉ là lần tình cờ vì việc quan trường mà thi nhân phải đi ngang qua chốn rừng thiêng nước độc, xa xăm này. Có thể đây là lúc tác giả đoán tiếp đoàn sứ bộ từ Trung Hoa sang. Ấy vậy mà, cho dù chỉ là quá bước đi ngang nhưng quan ải cùng địa thế hiểm trở, thiên nhiên u tịch “sơn sơn lạc nguyệt dạ đề viên” của nó đã gây cho con người những xúc động mãnh liệt từ đó khiến họ có cơ hội nhìn nhận lại tình cảnh bé tắc, chán chường của bản thân trong thực tại. Con người ấy đâu thể biết được rằng rồi cũng có một ngày, chính bản thân mình phải mang vai là khách phiêu bồng và bước qua quan ải năm xưa, nơi mà không một ai dám nghĩ đến bởi hiện thực ghê rợn, li biệt mà nó mang lại:

Ngọc thư phùng há ngữ vân đoan

Vạn lí đản xa độ Hán quan

Nhất lộ giai lai duy bạch phát

Nhị tuần sở kiến dẫn thanh san.

(Chiếu nhà vua từ trên từng mây năm sắc đưa xuống

Muôn dặm, một chiếc xe vượt qua Hán quan

Đọc đường chỉ làm bạn với mái tóc bạc

Suốt hai tuần, toàn thấy núi xanh)

(Nam quan đạo trung)

Quan ải không chỉ gây cho con người, những kẻ trót “dại” mà bước qua hoặc đứng trước nó, một cảm giác buồn tê tái, một ám ảnh khôn nguôi về sự li biệt, chia cắt mà nó còn gây cho họ, những con người phụng mệnh chiếu vua “ngọc thư” đi sứ tuế cống, những phân sứ trình biết bao phen khốn đốn “ở không yên ổn, ngồi không vững vàng”, một cảm giác lẻ loi, cô độc trên đường vạn lí trường chinh “vạn lí đan xa độ Hán quan”. Ra đi cũng chỉ với tóc bạc “bạch phát” là bạn đồng hành; sầu tủi, nhớ nhung về cố hương khi thân đang gửi trọ nơi đất khách cũng chỉ có tóc bạc ở bên; đêm cô quạnh, thao thức, khắc khoải trong tình viễn khách cũng chỉ có tóc bạc; bước đi trong trời chiều cũng phơ tóc bạc trong gió... dường như mọi chuyển động nội tâm của con người trong thơ chữ Hán Nguyễn Du đều gắn với hình ảnh tóc bạc (43 bài). Nó đóng vai trò là một biểu tượng nghệ thuật, một kí hiệu ngôn từ với biên độ nghĩa rộng, phổ quát biểu lộ được gần như toàn vẹn tâm ý, tình cảnh của con người ở bất kì giai đoạn nào trong cuộc đời: “Tiêu tiêu bồng mấn lão phong trần” (*Xuân tiêu lữ thứ*). Con người ấy làm gì cũng chỉ có một mình, giờ bước qua quan ải xa xứ cũng vẫn là một mình với tóc bạc. Trước mắt thi nhân giờ đây mọi thứ xung quanh đều trở nên xa xăm, hun hút: “Nhị tuần sở kiến dẫn thanh san”. Tình lữ khách nơi quan ải càng trở nên da diết, miên man.

Một trong những ý nghĩa khác của hình ảnh quan ải trong thơ chữ Hán Nguyễn Du là nơi diễn ra những cuộc chia li giữa nhà thơ với các bằng hữu tri kỉ. Gặp lại bạn cũ sau hơn ba mươi năm trời cách biệt những tưởng con người sẽ có được khoảnh khắc hiếm hoi vui vầy, sum họp bên bạn. Thế nhưng trớ trêu thay tạo hóa một khi đã muốn “bóp nát” lấy quyền được thừa hưởng hạnh phúc của con người, một khi đã quyết khiến họ phải trở thành kẻ cô độc, suốt đời chỉ biết ôm trọn khối sầu (*Điệu khuyển*) thì con người sao có thể cãi lại. Ngày gặp lại, cả hai mừng vui chưa được bao lâu thì cũng là lúc mỗi người mỗi ngã:

Táp niên cố hữu trùng phùng nhật

Vạn lí tiên đồ nhất xúc sơ.

(Ngày gặp lại người bạn cũ ba mươi năm trước

Cũng là ngày bắt đầu cuộc hành trình vạn dặm)

(Lưu biệt cựu khê Hoàng)

Còn biết bao điều con người ấy chưa thể giải bày, thổ lộ trước bạn nhưng việc nước thì hối thúc sát một bên khiến cõi lòng thi nhân ngổn ngang trăm mối tơ vò. Con người lúc này dường như chỉ muốn chấp tay mà cầu xin tạo hóa, cầu xin thời gian trôi chậm lại dù chỉ là một giây ngắn ngủi để được tỏ bày với bạn, để ta được gần bạn ta thêm chút nữa bởi xa cách lần này thử hỏi đến bao giờ “kiếp gió bụi mới hẹn nhau được” (*Tống Lý Doan –*

Lư Luân). Nhưng cho dù có trở lại đi nữa thì liệu bạn ta có còn hay không khi mà giờ đây “lão hỉ toàn thân bách chiến du” (trăm trận đánh, thân vẫn còn, nhưng anh cũng già rồi). Nếu như không nói ngay lúc này, con người sợ sẽ không còn dịp nào để nói được cùng bạn. Trong phút chốc, cuộc gặp gỡ, trùng phùng lại bỗng hóa thành cuộc chia li vĩnh viễn. Cả hai lại phải tiễn đưa nhau ra chốn quan ải trùng điệp:

Trưởng nhiên phân thủ trùng quan ngoại
(Ngoài cửa quan chia tay, lòng tôi buồn xiết kẻ)

(*Lưu biệt cựu khế Hoàng*)

Thử hỏi điều gì đã khiến họ rơi vào nghịch cảnh oái oăm, chua xót đến nỗi này? Có ai ngày gặp lại bạn, ở đây còn là bạn lâu năm xa cách mà phải dặt nhau, tiễn nhau ra tận ngoài quan ải. Chốn quan ải xưa nay đâu phải là nơi thắng địa, là chỗ dành cho những cuộc hội ngộ, tương phùng. Tình người lúc chia li trước quan ải có thể có sự khác biệt theo dòng mạch cảm xúc của mỗi nhà thơ nhưng giữa chúng luôn tồn tại một điểm chung bất biến là tình luôn chan chứa, thấm đẫm nét buồn vào cảnh vật xung quanh. Cảnh vật vùng biên ải hiện lên trong những cuộc chia li bao giờ cũng trở nên vô vị, nhạt màu và hơn hết mang đậm sắc thái đìu hiu giữa khung trời âm đạm. Đối với Lư Luân⁽⁴⁾, nhà thơ dưới đời vua Đường Đại Tông, thời khắc tiễn bạn đi ra khi trời đã ngả màu về chiều, bên ngoài tuyết bắt đầu rơi khiến cõi lòng của cả hai dường như chết ngất trong tuyết lạnh. Hình bóng của bạn ta cứ thế mà khuất dần, mờ dần trong tuyết:

Lộ xuất hàn vân ngoại
Nhân quy mộ tuyết thì.
(Đường đi đầy mây lạnh bên ngoài
Người về đang lúc tuyết chiều xuống)

(*Tống Lý Doan*)

Còn đối với Nguyễn Du, ông không trực tiếp miêu tả cảnh vật ngay lúc chia li mà đợi đến sau khi quay đi, thi nhân mới dám nghĩ đến cảnh. Thế nhưng, cảnh hiện lên cũng chẳng thể hết câu khi mà dòng li biệt của người cắt ngang nó ngưng lại. Họ không thể nghĩ được trọn vẹn khung cảnh thiên nhiên sau khi từ biệt sẽ ra sao:

Vân sơn biệt hậu ý hà như?
(Cảnh núi mây sau khi từ biệt, nghĩ sao đây?)

(*Lưu biệt cựu khế Hoàng*)

Con người ngay thời khắc ấy dường như muốn gạt bỏ hết tất cả, không muốn có bất kì một sự chi phối nào từ phía ngoại cảnh chen vào khoảnh khắc cuối cùng của ta và bạn. Hay nói cách khác, thi nhân muốn dành trọn khoảng thời gian lúc ấy cho tri kỉ trước mặt, bởi chỉ trong lát nữa đây, cả hai đã khuất biệt, mỗi người mỗi ngã. Nơi quan ải vốn dĩ đã hiểm trở, âm u nay lại phải phủ nhuộm lên đầy cả một khối buồn đậm đặc của con người

⁽⁴⁾ Được người đương thời tôn làm một trong mười tài tử thời Đại Lịch.

khiến nó càng thêm âm đạm, u tịch. Hiện thực cách biệt cũng vì thế mà ngày càng được khuếch đại mạnh mẽ ở nơi địa đầu đất nước.

3. Kết luận

Qua khảo sát các bài thơ chữ Hán của hai tác giả Nguyễn Đề và Nguyễn Du, chúng tôi nhận thấy rằng hình ảnh quan ải trong thơ xuất hiện dưới tầm mắt người đọc với hai ý nghĩa cơ bản: *Thứ nhất*, đó là nơi gây cho con người những cảm giác sợ hãi, ghê rợn mỗi khi bước đến nhưng đồng thời cũng dấy lên trong lòng họ một niềm tiếc thương, ngậm ngùi bởi những hồi ức từ quá khứ vọng về; *Thứ hai*, đó là nơi gợi ra trong tâm tưởng con người những kí ức về sự chia cắt, li biệt mà chủ yếu đến từ sự đối lập giữa hai phần không gian tâm lí là “quê người” (khách) – “quê mình” (ta). Đứng trước những quan ải mênh mông, con người trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề và Nguyễn Du dường như chìm ngập, chất ngất với biết bao cảm xúc, tâm trạng u buồn, đăm lẹ. Con người ấy chỉ biết cố nói thật nhiều, cố bày tỏ lòng mình cho thật sâu, cố tìm cách cho thời gian ngừng lại bởi họ lo sợ khi nghĩ đến cảnh “thiên lí bất tương kiến” (nghìn dặm không trông thấy nhau) nhưng trên hết vẫn là nỗi lo không còn cơ hội gặp lại. Có thể thấy, việc tiếp cận, tìm hiểu hình ảnh quan ải trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề và Nguyễn Du là một trong số những hướng tiếp cận mới góp phần khai thác, đào sâu những nỗi niềm, tâm sự thầm kín của người xưa để lại. Từ đó, bài viết hướng đến việc làm rõ một trong những đặc điểm chính về hiện thực – chia li, cách biệt, mà con người trung đại dù muốn hay không đều phải trải qua giữa con địa chấn dữ dội của thế kỉ XVIII – XIX.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Le, Q. T. (Editor). (2019). *Tho Nguyen De (tuyen) [Nguyen De Poetry (selection)]*. Ho Chi Minh City: Literary Publishing House.
- Le, T. Y. (1999). *Dac diem nghe thuat tho chu Han Nguyen Du [Artistic characteristics of Nguyen Du's Chinese poetry]*. Ho Chi Minh City: Youth Publishing House.
- Mai, Q. L. (1996). *Nguyen Du toan tap, tap 1 [Nguyen Du full volume, volume 1]*. Ho Chi Minh City: Literary Publishing House.
- Nguyen, D. (2012). *Tho chu Han (Nguyen Si Lam hieu dinh, Truong Chinh gioi thieu) [Poetry in Chinese (edited by Nguyen Si Lam, introduced by Truong Chinh)]*. Ho Chi Minh City: Literary Publishing House.
- Tran, D. S. (2005). *Thi phap van hoc trung dai Viet Nam [Poetry of medieval Vietnamese literature]*. Hanoi: National University Publishing House.

IMAGE OF THE PASS IN CHINESE POETRY BY NGUYEN DE AND NGUYEN DU

Nguyen Huu Rang

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

Corresponding author: Nguyen Huu Rang - Email: 4401601040@student.hcmue.edu.vn

Received: October 03, 2021; Revised: January 06, 2022; Accepted: January 20, 2022

ABSTRACT

The article offers a new approach to Nguyen De and Nguyen Du's Chinese poetry to learn about the pass images in the poems. Through surveying and analyzing Chinese poems written about the pass and typical and common images on each poet's mission, the article clarifies two basic meanings of this image. The image of the pass in the Han poetry of Nguyen De and Nguyen Du is both a place that creates a feeling of fear, psychology of mourning for the past, and a place to evoke the psychology of separation through the opposition between the two spatial regions "someone else's hometown" and "my hometown." From these two meanings, the main purpose of the article is to clarify a prominent feature of reality that medieval people, whether they wanted to or not, had to experience during the intense earthquakes of the 18th - 19th centuries: reality separates, separates.

Keywords: Chinese poem; Nguyen De; Nguyen Du; the pass